

NAM CAO

ĐỜI VIẾT

VÀ

NGHIỆP VĂN

TẬP MỘT



Một chiều cuối đông năm 1951, cách đây đã 72 năm, giữa cuộc kháng chiến chống Pháp, một đoàn cán bộ kháng chiến thâm nhập vùng địch, đi qua những cánh đồng chiêm ngập nước của huyện Gia Viễn, Ninh Bình, trên những con đò đồng. Không may, họ rơi vào ổ phục kích của lính Âu-Phi. Ba người bị bắt, bị tra tấn rồi bị xử bắn ngay lúc gần sáng ngày 30/11. Lần ấy, phía kháng chiến không chỉ mất 3 cán bộ, bởi vì trong 3 người thẳm lặn hy sinh hôm ấy, có một người tên là Trần Hữu Tri, bút danh là Nam Cao. Chính là Nam Cao, một tên tuổi lớn của văn học Việt Nam thế kỷ XX.

Lúc hy sinh, Nam Cao mới bước sang tuổi 36, với 15 năm cầm bút. Nhưng ông đã kịp làm nên một văn nghiệp sáng giá, với một loạt truyện ngắn và tiểu thuyết xuất sắc trong đó có kiệt tác Chí Phèo. Nếu còn sống có lẽ ông đã sống qua 1 thế kỉ. Nhưng với cuộc đời tọc lụy này, ông mãi mãi không có tuổi già



I. TRẦN HỮU TRI

Nam Cao sinh năm 1915 vào ngay thời đại mà xã hội phong kiến lâm vào khủng hoảng trầm trọng và thế lực thực dân đang bào mòn đất nước ta. Nam Cao tên thật là Trần Hữu Tri, quê ông ở làng Đại Hoàng, tổng Cao Đà, huyện Nam Xang. Bút danh Nam Cao rút từ hai chữ Nam Xang, Cao Đà tên quê, cũng như bút danh Tô Hoài, bạn **văn** gần ông nhất, được rút từ những địa danh Hoài Đức, Tô Lịch, hai quê nội ngoại nhà văn ấy.

Ông xuất thân trong một gia đình Công giáo bậc trung. Cha làm nghề thợ mộc và thầy lang trong làng, mẹ vừa làm nội trợ, làm vườn, làm ruộng và dệt vải. Sinh thành ở vùng đồng bằng sông Hồng lâu đời, đậm đà văn hóa Bắc Bộ. Đã nuôi dưỡng cho ông một hồn văn vừa gần gũi vừa thâm thúy, với những câu chuyện nhỏ nhoi nhưng âm ỉ trong cuộc sống của những kiếp nghèo nơi thôn quê Bắc Bộ.



Thuở nhỏ, cậu bé Trần Hữu Tri học ở quê. 10 tuổi ra Nam Định học tiểu học, trung học. Nhưng vì thể chất yếu, phải về quê chữa bệnh. 18 tuổi cưới vợ, hai tháng sau đi Nam Kỳ vào Sài Gòn tìm việc làm. Và đã xin được việc làm thư ký cho một hiệu may trong thành phố.

Chính từ thành phố phương Nam ấy, chàng thư ký hiệu may bắt đầu cầm bút tập viết văn. Hơn 2 năm sau, trở ra Bắc tự học để thi đậu bằng Thành chung, từ đó kiếm sống bằng dạy học tư và viết văn.

Đất Bắc Kỳ hồi ấy chỉ có một trung tâm văn hóa là Hà Nội. Những thanh niên từ các vùng quê, từ các tỉnh lẻ thường tìm về đất Hà thành thử tài, thử chí, thử vận may. Với Trần Hữu Tri cũng vậy. Anh dạy học ở trường tư thực Công Thanh vùng chợ Bưởi, lúc ấy là ngoại thành, và giao dịch với các báo, các nhà xuất bản, với giới viết báo viết văn.



Trường học thời Pháp thuộc

Một trong những người bạn văn thân thiết nhất của Nam Cao là nhà văn Tô Hoài và Vũ Bằng - từng là thư ký tòa soạn báo Tiểu thuyết thứ bảy.



Nhà văn Tô Hoài



Nhà văn Vũ Bằng



Lần đầu mà Vũ Bằng gặp gỡ Nam Cao "bằng xương bằng thịt" là sau khi đã mang tuyệt tác "Chí Phèo" ra từ sọt rác và giúp tên tuổi Nam Cao thuở ấy bước đầu có khởi sắc.

"Anh đi thẳng vào nhà tôi áp úng tự giới thiệu. Cảm giác đầu tiên của tôi sau buổi gặp gỡ này là Nam Cao là một người hiền lành, chân thật và nhũn nhặn...

...Lúc đó Nam Cao độ hai mươi ba hai mươi bốn tuổi, nhưng nếu bảo là anh ba mươi lăm ba mươi sáu cũng có thể được vì anh có vẻ già trước tuổi, không ngây thơ, bụ bẫm như Tô Hoài..." "...mặt dài, má hơi hóp, da đúng như màu dầu, nhưng mỗi khi nói một câu chuyện gì với ai thì ửng đỏ lên đủ để cho người ta thấy là anh thẹn. Tay chân anh dài lêu nhêu, lúc đi thì hơi đẩy cái đầu về phía trước.

Có ai đi bát ở các đường Tự Do Sài Gòn hay Đồng Khánh Chợ Lớn, vô công rồi nghề, nhìn vào các cửa hàng, đã thấy các con cò máy từ từ ngừng đầu lên rồi lại từ từ cúi xuống để mổ vào một chén nước không? Ấy đấy, Nam Cao đi đứng cũng tựa tựa như con cò máy ấy..."

Cuộc đời của nhà văn Nam Cao có thể nói là cùng cực của kham khổ, đến nỗi Vũ Bằng đã nói ông là "một nhà văn còn nghèo túng hơn cả Vũ Trọng Phụng".

Trước khi được việc viết báo yên ổn cho tiểu thuyết thứ bảy, tất cả sự sinh sống của gia đình ông dựa trên một giàn trầu. Cứ đến phiên chợ thì bà anh lại hái trầu đem bán.

"Nhưng bán trầu mà sống được cả nhà ư?"

"Tôi băn khoăn tự hỏi như thế nhiều lần, nhưng không tài nào biết được Nam Cao đã làm cách nào để sống dù là sống khổ ở một cái làng hẻo lánh nhất, nghèo khổ nhất tại một miền quê xa xôi nhất thành Nam. Nam Cao không hề cho ai biết sự thật trầm hùng đó...".

Sau này, khi bắt đầu nghề viết Nam Cao lại lặn lội tìm chỗ đứng cho mình trong văn đàn Việt Nam thời thơ mới. Sáng tác của ông, thơ có, văn xuôi có, bắt đầu xuất hiện đều đều trên các tờ Tiểu thuyết thứ bảy, Ích hữu, Hà Nội tân văn... với những bút danh như là những cái tên ướm thử, ngập ngừng như: Thúy Rư, Xuân Du, Nguyệt, v.v...

Như nhà văn Vũ Bằng đã viết “...Nhắc đến Nam Cao, bây giờ tôi có tiếc điều gì, ấy là tiếc đã không biết Nam Cao sớm hơn một chút...”Sở dĩ Vũ Bằng có niềm tiếc như thế là bởi Vũ Bằng nhận ra khi gõ cửa làng văn, Nam Cao gặp không ít những trở ngại. Vũ Bằng kể: “Ngay lúc Tiểu thuyết thứ bảy ra khổ lớn, Nam Cao đã có viết mấy truyện gửi về nhà báo, nhưng toà soạn cũ không đăng.”

*“Tiểu thuyết thứ bảy” là tờ báo văn học tồn tại lâu nhất trước Cách mạng tháng Tám tập hợp được nhiều cây bút có “máu mặt”. Là một đối thủ cạnh tranh của tờ Phong hóa, tờ báo của nhóm Tự lực văn đoàn cùng thời, nhưng những nhà văn viết cho Tiểu thuyết thứ bảy là những nhà văn tự do, không thuộc một nhóm nào cả.

*"Tuy nhiên, với một ngòi bút như Nam Cao thì người ta
đâu có thờ ơ, ghẻ lạnh mãi được!"*

II. NAM CAO

ĐỜI VIẾT VÀ NGHIỆP VĂN.

1. NAM CAO TRƯỚC CÁCH MẠNG



Tô Hoài “vào nghề” lúc truyện ngắn "Nước lên" được đăng Báo Hà Nội tân văn. Bấy giờ, năm 1938, Nam Cao đang là thầy giáo dạy học Trường tư Công Thành ở Hà Nội.

Tô Hoài đến học thêm tiếng Pháp. “Tôi gọi anh là ông giáo Tri. Nam Cao biết tôi ít tuổi hơn anh, văn hóa kém anh nhưng về sau anh thấy tôi đã viết được truyện đăng báo. Tôi nghĩ việc đó có thể khuyến khích anh. Nam Cao đã đỡ bằng “đắp lôm” thích viết văn, thế mà đến nay vẫn lặn đận”, Tô Hoài cho biết. Từ đây, hai người trở thành đôi bạn tri kỷ. Chia sẻ buồn vui từ trang viết.

Cuộc đời nhà giáo của Nam Cao không kéo dài. Ít lâu sau, ngày 22.9.1940, Pháp nhục nhã cúi đầu ký kết hiệp định chấp nhận phát xít Nhật chiếm đóng Đông Dương. Trường tư Công Thành bị đóng cửa vì lính Nhật trưng dụng làm chuồng ngựa! Tác giả Dế mèn phiêu lưu ký đã nhớ lại tháng năm này: “Mấy năm nay, Nam Cao thất nghiệp vì trường học phải đóng cửa đã về ở nhà tôi. Chúng tôi ở trong một gian bên kín bưng”.

Tô Hoài lại chia sẻ thêm về những ngày tháng đầu tiên với Nam Cao : "Mỗi tháng, chúng tôi bận viết vào mấy ngày cuối tháng. Có khi, chúng tôi phải viết đôi tay cho nhau mới kịp. Nam Cao thạo tả nhân vật, tôi nhờ anh viết cho tôi những đoạn như thế. Lúc Nam Cao buồn ngủ hay chán viết, anh bảo tôi: “Cậu làm hộ mình thế này nhé. Sắp mưa, bờ ao có bụi tre. Buổi chiều, mấy trang cũng được”. Tôi vốn thích tả cảnh. Tôi lia hộ bạn vài trang như anh đã phác.

Nam Cao bắt đầu viết. Xuất hiện trong Văn Đàn bằng một số bài thơ, truyện ngắn chịu nhiều ảnh hưởng của văn học lãng mạn đương thời. Tuy nhiên lại không mấy thành công và được ít sự chú ý. Mặc dù Nam Cao viết văn rất sớm và khá nhiều, tài năng trưởng thành rất nhanh. Nhưng gần 10 năm viết văn trước Cách mạng. Nam Cao hầu như không có vị trí gì trên văn đàn đương thời. Hầu hết truyện dài của Nam Cao đều phải bán bản quyền để rồi bị vứt xó cho đến khi bản thảo bị thất lạc. Hiếm có một nhà văn có tài mà bước vào làng văn lại chật vật và bị đối xử bất công như Nam Cao.



Giai đoạn đầu, Nam Cao viết văn gửi về cho tiểu thuyết thứ bảy, nhưng tất cả đều không được đăng. Mở đầu của Nam Cao trong văn đàn lặng lẽ không một chút tâm hơi. Chỉ đến khi một lần tình cờ vào năm 1941, Vũ Bằng vô tình nhặt được truyện "Cái lò gạch cũ" ở trong bờ rác.

"Chỉ đọc độ nửa trang đầu, tôi đã cảm thấy một truyện "đăng được", đọc xong thì tôi bị Nam Cao cám dỗ. Ngay buổi tối hôm đó, tôi hì hụi dỡ hết cả chồng bài cũ ra kiểm thì thấy Nam Cao còn có hai truyện nữa." (Trong đó có truyện người say rượu ngã ra như một cái bóng).

"Tôi đọc luôn một hơi và ngay sáng hôm sau, tôi sửa qua vài chữ, vẽ maket, đặt truyện của Nam Cao lên trang nhất, kèm một cái sa-pô giới thiệu một văn tài mới..."

(Vũ Bằng)

Về phần Nam Cao sau khi viết được truyện ngắn "Cái lò gạch cũ", Tô Hoài cho biết, bạn mình đã cầm bản thảo bán cho ông Trác Vỹ, chủ Nhà xuất bản Đời Mới. Dăm ngày sau, đến dò hỏi thế nào, ông này nói với Nam Cao rằng, cái tựa cũ không “ăn khách” nên nhờ nhà văn nổi tiếng nhất bấy giờ là Lê Văn Trương đổi thành "Đôi lứa xứng đôi".

Do Nam Cao đang là cây bút mới, sợ độc giả không chú ý nên ông Vỹ mới thuê nhà văn đang nổi tiếng với nhiều tác phẩm như "Ngựa đã thuần" rồi mời ngài lên viết lời giới thiệu. Có điều khá hài hước là khi sách in xong, ngoài bìa người ta in tên Lê Văn Trương to gấp mấy lần tên Nam Cao. Ấu cũng là một cách “tiếp thị” trong thị trường sách thuở ấy. Từ Đôi lứa xứng đôi, tên tuổi Nam Cao bắt đầu được công chúng biết đến.

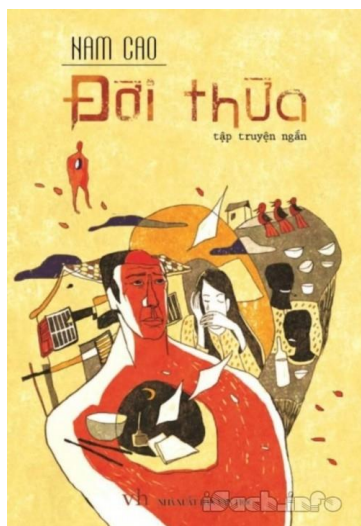
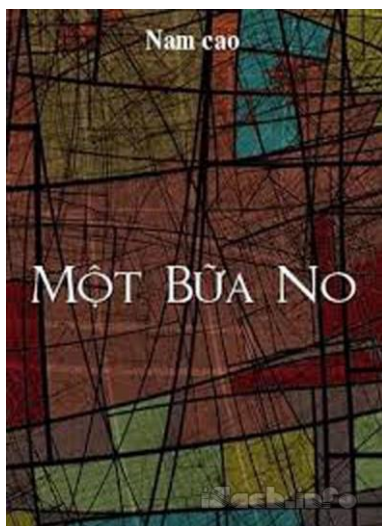
Dựa vào những giá trị độc đáo của tác phẩm "Chí Phèo" Các nhà văn lớp tuổi đàn anh như Vũ Bằng, Lê Văn Trương dường như đã nhìn thấy ở cây bút mới này một văn tài thực sự.

Nhưng dư luận văn học lúc ấy đã không còn thu hút công chúng như đầu mùa "thơ mới" lãng mạn hay giữa mùa tiểu thuyết Tự Lực văn đoàn, vì báo chí và công chúng còn bận rộn với những tin tức chấn động về cuộc đại chiến thế giới thứ hai diễn ra khốc liệt bên trời Âu và đang lan rộng sang Viễn Đông.

Dẫu không được dư luận cổ động, sau tập sách đầu tay với truyện Chí Phèo bất hủ, ngòi bút nhà văn Nam Cao tự tin, linh hoạt hẳn lên.

2. NAM CAO VÀ NHỮNG TRANG VĂN THÊU DỆT TỪ HIỆN THỰC CUỘC SỐNG.

Khi đã có được chút tên tuổi trên văn đàn thời ấy, Nam Cao say xura sáng tác. Các tác phẩm của ông ra đời nhiều hơn và được công chúng đón nhận hơn thuở ban đầu. Các năm từ 1941 đến 1944, Nam Cao viết được nhiều nhất. Một thống kê cho thấy, chỉ trên tuần san Tiểu thuyết thứ bảy, trong năm 1942, Nam Cao đăng 10 truyện, trong năm 1943, đăng 24 truyện, phần lớn là những truyện ngắn hay như: Cái mặt không chơi được, Những chuyện không muốn viết, Giăng sáng, Trẻ con không ăn được thịt chó, Mua nhà, Tư cách mõ, Bài học quét nhà, Từ ngày mẹ chết, Điều văn, Quên điều độ, Một bữa no, Nước mắt, Đời thừa...



"Một tác giả thực sự có gương mặt riêng, để không những không bị khuất trong bóng rợp của những người đi trước, mà còn tự mình xác lập một vị thế mới; vị thế, theo tôi - đó là sự tiếp tục đưa lên đỉnh cao và kết thúc vẻ vang trào lưu văn học hiện thực 1930-1945."

(Không biết tên)

Nam Cao là một trong những tên tuổi lớn của trào lưu văn học hiện thực. Cũng như tuyên ngôn của ông về định nghĩa nghệ thuật của mình.

"Nghệ thuật không cần phải là ánh trăng lừa dối, nghệ thuật không nên là ánh trăng lừa dối, nghệ thuật chỉ có thể là tiếng đau khổ kia thoát ra từ những kiếp lầm than."

Và cứ thế, Nam Cao sống trọn với chân ngôn của ông, đóng góp cho nền văn học Việt Nam những tác phẩm giàu nghệ thuật mà chân thật, lắm than.

Nỗi ám ảnh về cái nghèo từ hiện thực đến trang văn.

Như Vũ Bằng đã nói Nam Cao là nhà văn "nghèo hơn cả Vũ Trọng Phụng". Suốt thời viết văn trước Cách mạng có thể nói tiền bạc và cái nghèo là nỗi ám ảnh ông từ hiện thực tới trang văn. Với cuộc đời của mình, Nam Cao hiện lên là một người cầm bút đầy kham khổ qua lời kể của Vũ Bằng

"... thỉnh thoảng lại đưa tay lên vuốt lại mấy cái tóc xõa xuống mang tai. Đầu anh không bù theo kiểu Tô Hoài, mà cũng chẳng như Nguyễn Tuân, nhưng bờm vì thường thường tóc dài quá, có khi phủ cả gáy và che mất cả tai. Tội nghiệp, đừng có ai tưởng anh để tóc kiểu hippy, tóc anh dài quá chỉ là vì anh lười hớt, mà nguyên nhân do lười hớt mười lần thì chín là vì không có tiền.

Mùa rét chỉ có trần một bộ màu đen sọc đỏ lợt, giấy không há mồm nhưng lúc nào cũng đầy bùn. Có lẽ tại vì từ nhà anh lên Hà Nội phải đi qua nhiều quãng đường đê lầy lội, mà anh lại là một tay "kiết" không thêm mượn trẻ con đánh giấy – "Cái tiền đánh giấy để dành cho con ăn quà còn thú hơn"."

Đối với gia đình, Nam Cao càng có trách nhiệm và sự gánh vác.

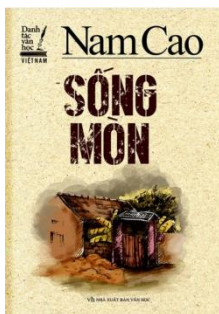
...Trong suốt cả một thời kỳ đi lại thân mật với nhau, anh không cho tôi biết anh có mấy con cả thầy, nhưng anh đã nói như thế này: *“Nhà thì nghèo chật, nền nhà thì là đất nện, mưa thì dơ, nắng thì bụi, mà một lũ con như dessins animée (phim hoạt hình) oánh nhau chí choé cả ngày... Không có viết mà kiếm tiền nuôi chúng thì làm thế nào được hở anh”*.

Nghèo thế, nhưng Nam Cao không một lần để mất tư thế, làm nhoe nhân cách.

Bắt đầu viết Tiểu thuyết thứ bảy, Nam Cao được mười lăm đồng một tháng; sau đó hình như tăng lên được hai mươi hay hai mươi lăm đồng.

“Hình như Nam Cao cho như thế là tạm đủ. Ngô Hoan, Ngọc Giao, Tâm Tâm thường tỏ vẻ uất ức là bị bóc lột, riêng Nam Cao không thấy phàn nàn bao giờ về tiền nong..” (Vũ Bằng)

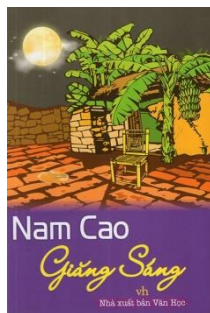
Đến đây là tại bắt gặp từ chính nhà văn như một hình tượng quen thuộc trong các tác phẩm của ông. Như "Đời thừa", "Sống mòn", "Giăng sáng"...



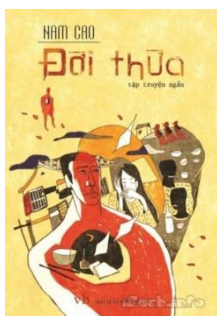
Từ anh thanh niên Thứ trong "Sống mòn", một thanh niên được học hành, có hoài bão, chí hướng. Nhưng sau 3 năm, nghèo khó, bệnh tật, y phải về quê, chịu cảnh thất nghiệp. Sau 2 lần chuyển chỗ làm vì bị đối xử bất công và nhận ra cái nghèo đáng sợ ở khắp nơi. Kiếp sống nghèo khổ đã thui chột ước mơ, hoài bão và đẩy cậu đến cảnh "sống mòn". Cuộc đời đưa đẩy thứ từ bi kịch này đến bi kịch khác. Anh chua chát hình dung đời mình sẽ mục ra, và sẽ "chết mà chưa kịp sống".

Như một đoạn văn mà Nam Cao từng viết trong "Giăng sáng" về nhân vật Điền cũng là một người trí thức nghèo trước cách mạng.

“Không một phút nào Điền không phải nghĩ đến tiền, óc Điền đầy những lo lắng nhỏ nhen. Một đôi khi chợt nhớ lại cái mộng xưa, Điền lại thở dài. Điền tự an ủi: có tiền rồi sẽ viết. Nhưng Điền biết: chẳng bao giờ Điền viết nữa, bởi chắc chắn là suốt đời Điền cũng không có tiền.”



Hay là nhà văn nghèo Hộ trong "Đời thừa" là một văn sĩ nghèo mang trong mình nhiều hoài bão ước mơ. Anh là người có lí tưởng sống rất cao đẹp. Là một nhà văn, anh đã từng ước mơ có những tác phẩm lớn, có giá trị vượt thời gian. Nhưng từ khi cưới Từ về làm vợ, anh phải lo



cho cuộc sống của cả gia đình chỉ với những đồng tiền ít ỏi của nghề viết văn. Hộ đã rơi vào tình trạng khôn khổ. Tạm gác ước mơ hoài bão để nuôi gia đình, nhưng rồi nỗi lo cơm áo và những dằn vặt lương tâm của một nhà văn đã biến anh thành một người đàn ông vũ phu. Anh uống say rồi

hành hạ, đánh đập vợ con, rồi lại ân hận. Hộ rơi vào cái vòng luẩn quẩn, không lối thoát. Hộ đồng thời rơi vào hai tấn bi kịch: bi kịch của người nghệ sĩ phải đang tâm chà đạp lên nguyên tắc sáng tạo của nghệ thuật chân chính, bi kịch của người cha người chồng phải chà đạp lên nguyên tắc tình thương do chính mình đề ra.

Hàng loạt những nhân vật có cùng 1 cảnh ngộ như đang in lại chính cuộc đời thiếu thốn của nhà văn. Ông hiểu rõ và sẵn sàng mang kể lại những nỗi lòng đau đáu ấy vào những trang văn. Nhưng cái nghèo của Nam Cao không chỉ nằm trên những con người cùng con đường, cùng cảnh ngộ với ông. Mà ông còn thấy được nó qua cả những kiếp người nhỏ bé khác.

Quan niệm nghệ thuật vị nhân sinh

Có nhà văn từng nói “Con người là điều thú vị nhất đối với con người, và con người cũng chỉ hứng thú với con người”.

Hay như Nam Cao cũng từng tâm sự với Vũ Bằng *"Tôi quan niệm cuộc đời giản dị lắm.đời không có nhiều kẻ như người ta vẫn viết trong tiểu thuyết trữ tình. Đói thì ăn, khát thì uống. Tôi thấy thế nào cứ viết in như thế, không thêm bớt. Thế cũng đủ rồi, lọ là phải bày đặt thêm ra làm gì."*

Cùng với ngòi bút của mình Nam Cao đã viết nên những "tiếng đau khổ kia thoát ra từ những kiếp lầm than."

Không chỉ có những chuyện buồn tủi, trớ trêu của cuộc đời giáo Thử (Sống mòn), Điền (Giăng sáng), Hộ (Đời thừa) đều được chắt ra từ chuyện của cuộc đời của chính nhà văn.

Văn Nam Cao còn có cả những con người nhỏ bé mà thân thuộc. Từ "Lão Hạc", "Chí Phèo" "Một bữa no" hay "Trẻ con không được ăn thịt chó".

Ông cảm thông cho những số phận khốn khổ trong xã hội.

+ Từ chuyện lão Hạc phải bán đi con chó trong nhà để có tiền. Rồi lại vẩn vật, hồ thẹn với cậu Vàng đến nỗi tìm đến con đường chết trong uất ức. Mà tính cả cái chết của ông lẫn những tủi hờn trước khi chết cũng chỉ vón vện bằng số tiền để dành lại cho con trai cưới vợ. Đồng tiền quý giá hơn mạng người, quý giá đến nỗi mà lão Hạc có chết cũng không dám đụng tới nó.

+ Hay cái đói đáng sợ trong "Một bữa no" nỗi lo sợ về miếng ăn đã giết chết bà cụ chỉ bởi vì bà đã ăn quá no, chỉ bởi vì bà sợ chết. Người nông dân nghèo nhỏ bé lặn lội tìm kiếm sự sống, họ được ham sống đến mà lại hại chết mình.

+ Hay cái đói hủy hoại nhân cách của con người trong tác phẩm "Trẻ con không được ăn thịt chó".

+ Và đỉnh cao nhất không thể không kể đến "Chí Phèo". Người nông dân nghèo bị cường quyền, bị xã hội dồn ép đến tha hoá. Mà cái tha hoá lạ lẫm này là cái thật đặc sắc trong vô vàng cái khổ của những câu chuyện về người nông dân Việt Nam trước Cách mạng tháng 8. "Chí Phèo" là đỉnh điểm của những khổ đau, khi mà một con người lại không được phép làm người nữa. Từ hình thù đến nhân cách. Hay đến cả ước mơ được "quay đầu" cũng bị xã hội khước từ. Nó cho ta thấy, bi kịch của 1 đời người không chỉ dừng lại ở cái chết, mà là phải chết để được trở lại làm người.

Mà những Thị Nở, Bá Kiến, Binh Chức, Lão Hạc, Dì Hảo, Lang Rận, Trạch Văn Đoàn... đều là những mẫu người thật ở cái làng Đại Hoàng nghèo, heo hút bên bờ sông Châu Giang, nơi chôn nhau cắt rốn của nhà văn. Những tác phẩm đặc sắc nhất, căn cốt nhất làm nên tên tuổi, sự nghiệp của Nam Cao đều lấy bối cảnh, mẫu nhân vật trong cái làng Đại Hoàng ấy.

3. VỊ TRÍ CỦA NAM CAO TRONG VĂN ĐÀN VIỆT NAM TRƯỚC CÁCH MẠNG.

Xét một cách tổng thể, sáng tác của ông trước cách mạng tập trung vào hai đề tài lớn: Người tiểu tư sản nghèo và người nông dân, khai thác trực tiếp từ cuộc sống bản thân tác giả và bà con nông dân làng quê... Miêu tả chân thực cuộc sống nghèo khổ, tủi nhục của người tiểu tư sản, Nam Cao đặc biệt đi sâu vào những đau đớn trong tâm hồn của họ và đặt ra những vấn đề có ý nghĩa xã hội sâu sắc. Đặc biệt đi sâu vào nỗi khổ của tâm hồn bị đày đoạ, nhân phẩm bị xúc phạm và đã khẳng định mạnh mẽ bản chất đẹp đẽ của họ ngay cả khi họ bị vùi dập đến mất cả hình người, tính người.

Tuy đã có những đóng góp lớn cho nền văn học và cống hiến cho quan niệm nghệ thuật vị nhân sinh. Nhưng thực tế thì Nam Cao chưa bao giờ có được hào quang xứng đáng. Kể cả khi bước đầu của Nam Cao đã có một tác phẩm vững chắc như sau khi truyện ngắn "Chí Phèo" nổi lên, tác phẩm đã đánh dấu bước tiến vàng son trong sự nghiệp của nhà văn .Song hậu sáng tác, ngòi bút của người nông dân thời bấy giờ vẫn lặn đục, chưa thật sự có chỗ đứng vững chắc.

Nhưng không thể phủ nhận rằng Chí Phèo có phạm vi hiện thực được phản ánh trải ra cả bề rộng không gian và cả bề dài thời gian. Có thể nói, làng Vũ Đại trong truyện chính là hình ảnh thu nhỏ của xã hội nông thôn Việt Nam đương thời, Nam Cao đã xuất sắc để lại cho kho tàng văn học cũng như hành trình sáng tác của mình nút vàng đỉnh cao của nghệ thuật "vị nhân sinh"

4. NAM CAO SAU CÁCH MẠNG.

Với suy nghĩ “sống đã rồi hãy viết”, Nam Cao hằng hái tham gia cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của dân tộc.

Sau cách mạng tháng tám ông tham gia đoàn quân Nam Tiến lên Việt Bắc vào vùng địch hậu khu 3 làm báo cứu quốc. Gần 6 năm cho một hành trình cùng nhân dân bộ đội và dân công. Vũ khí của Nam Cao vẫn là ngòi bút và trang viết ông đều quyết tâm sống đã rồi hãy viết, sống là cầm súng chiến đấu giải phóng dân tộc sẵn sàng làm anh tuyên truyền viên nhai nhép đem ngòi bút phục vụ công nông binh. Ngòi bút Nam Cao hoạt động với tư cách của một cán bộ làm báo làm văn đó là những trang viết theo kiểu chuyển động muôn mặt đời sống của cuộc kháng chiến trường kỳ của dân tộc.

Vẫn là câu chuyện của anh trí thức nghèo nhưng lại mang chân lý của người chiến sĩ cộng sản cách mạng là những ký họa sinh động tràn ngập tinh thần lạc quan về đẹp và sức mạnh tinh thần của bộ đội nhân dân trong các chiến dịch.

Giai đoạn này, truyện ngắn “Đôi mắt” được xem là tác phẩm xuất sắc nhất của ông. Trong truyện, thông qua việc xây dựng hình tượng hai nhà văn: Hoàng và Độ với hai lối sống, hai sự nhìn nhận về người nông dân, về kháng chiến trái ngược nhau, Nam Cao đã khái quát lên một vấn đề có ý nghĩa sâu sắc, không chỉ có ý nghĩa với tình hình thực tế lúc đó mà còn có ý nghĩa trong thời điểm hiện tại – vấn đề “cách nhìn cuộc sống”.



Đọc “Đôi mắt”, ta như được trở về thời điểm toàn dân đoàn kết đấu tranh đánh đuổi thực dân Pháp xâm lược. Đọc “Đôi mắt”, ta có những hình dung về nông thôn Việt Nam sau cách mạng. Quan trọng hơn, đọc “Đôi mắt” ta có thêm một bài học về cách nhìn cuộc sống. Tại sao hiện nay, đất nước đã được độc lập, tự do, đời sống vật chất của người dân không ngừng được nâng lên nhưng không nhiều người trong chúng ta cảm thấy hạnh phúc. Cuộc sống hiện đại nhiều áp lực cản trở chúng ta đến với hạnh phúc hay cái nhìn của chúng ta về cuộc sống cản trở chúng ta đến với hạnh phúc? Câu trả lời nằm trong suy nghĩ, cách nhìn nhận cuộc sống của mỗi người.

Việc Nam Cao xây dựng thành công cách nhìn cuộc sống của Hoàng và Độ - đại diện cho hai kiểu nhà văn thời đó đã giúp không ít văn nghệ sĩ “thức tỉnh”, nhận ra con đường đi đúng đắn cho hành trình sáng tác tiếp theo của mình. “Đôi mắt” không chỉ có ý nghĩa trong hoàn cảnh lúc đó mà hơn 60 năm sau, “cách nhìn cuộc sống” đặt ra trong truyện ngắn của Nam Cao vẫn khiến chúng ta phải suy nghĩ, chiêm nghiệm!

III. ĐỜI VĂN NAM CAO ĐÃ ĐƯỢC GÌ?

Một đời văn có thể xem là lặng lẽ, chưa lúc nào tự thỏa mãn và yên tâm, hoặc tự tin về mình - một tâm thế viết rất khác với nhiều bạn văn cùng thời, không kể Nguyễn Tuân, Thạch Lam, Vũ Trọng Phụng mà ngay cả với Tô Hoài - người kém ông 5 tuổi, nhưng vào nghề lại may mắn hơn ông.

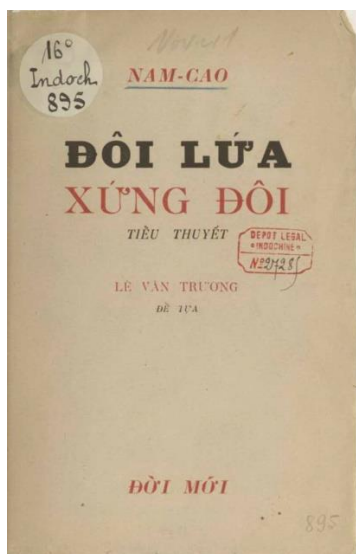
Bằng chứng là Nam Cao không có tên trong bộ sách Nhà văn hiện đại, gồm 79 người, của Vũ Ngọc Phan. Bằng chứng là trong Bản tự thuật Nam Cao gửi Ban tổ chức của Hội văn nghệ Việt Nam năm 1950 có một dòng: “... trước 1945 không xuất bản được tác phẩm nào đáng kể”.

Nam Cao là nói một số lượng trang viết không nhiều, so với các bạn viết trước và đồng thời với ông... Cái đã được in gồm khoảng ngót 60 truyện ngắn đăng tải trên báo, một số trong đó được gom vào hai tập trước 1945, là:

Đôi lứa xứng đôi (Nxb Đời mới; 1941).

Nửa đêm (Nxb Cộng lực; 1943).

Và sau 1945 là Cười (Nxb Minh Đức; 1946).



Tám truyện viết cho thiếu nhi (nay chỉ mới sưu tầm được 3); một truyện dài chỉ mới được đăng tải trên báo trước 1945; dăm truyện ngắn cùng trên một chục bút ký, nhật ký, ghi chép viết sau 1945.

Chỉ riêng Truyện người hàng xóm là được đăng tải trên Trung Bắc chủ nhật từ tháng Tư đến tháng Chín - 1944. Còn tiểu thuyết Sống mòn “viết xong tại Đại Hoàng ngày 1/10/1944”, như được ghi ở cuối sách, thì đương nhiên là không thể in; rất có thể cũng sẽ chung số phận với các tiểu thuyết khác nếu không được Tô Hoài giữ hộ và mang theo trong ba lô lên Việt Bắc; rồi phải chờ đến 1956, sau khi Nam Cao mất 5 năm mới được in ở Nhà xuất bản Văn nghệ.

Cho đến ngày hy sinh, có thể nói Nam Cao chưa được hưởng những gì gọi là hào quang, hoặc vinh quang của nghề.

Phải sau khi qua đời, với bài Điều văn của Nguyễn Huy Tưởng đọc trong Lễ truy điệu ngày 21/12/1951; và bài Nam Cao của Nguyễn Đình Thi viết tháng 2/1952 đăng trên Tạp chí Văn nghệ; rồi tiếp đó là hai hồi ký của Tô Hoài in trên báo Văn nghệ - năm 1956 thì tồn thất về Nam Cao mới thật sự thấm thía không chỉ trong giới nghề nghiệp mà là cả công chúng đông đảo.

Cũng từ đây, qua Sóng mòn lần đầu được in, năm 1956, qua Chí Phèo - sau lần in thứ hai năm 1957, và nhiều chục truyện ngắn trên các báo lần đầu được sưu tầm và gom lại trong hai tập Truyện ngắn Nam Cao (Nxb.Văn hóa; 1960) và Một đám cưới (Nxb.Văn học; 1963) thì giới nghiên cứu, phê bình và bạn đọc rộng rãi mới có cơ hội nhận diện một gương mặt tác gia văn học xuất sắc trong dòng văn học hiện thực trước 1945.

Puskin từng viết “Linh hồn là ấn tượng của một tác phẩm. Cây cỏ sống được là nhờ ánh sáng, chim muông sống được là nhờ tiếng ca, một tác phẩm sống được là nhờ tiếng lòng của người cầm bút”.

Nói tóm lại, Nam Cao - một cái tên xuất sắc trong phong trào hiện thực phê phán, một cái tên xuất sắc với quan điểm nghệ thuật vị nhân sinh đã cống hiến cả đời mình cho nghiệp viết, cho con người trong lòng xã hội Việt Nam. Dù cả đời chưa từng được hưởng chút vinh quang mà ông xứng đáng, nhưng những giá trị, những triết lý của ông sẽ mãi in đậm trong lòng độc giả